

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 01/THINHPHONG/2018

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: **CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ THỊNH PHONG**

Địa chỉ: 11/46/19 Đường TX 24, Tổ 23, Khu Phố 7, Phường Thanh Xuân, Quận 12, Thành Phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: 0911610426

Fax:

Email: thinhphongcorp@gmail.com

Mã số doanh nghiệp: 0313908706

Số giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: 001171/2016/ATTP-CNĐK. Ngày cấp: 18/10/2016. Nơi cấp: Hà Nội

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: **CHẤT HỖ TRỢ CHẾ BIẾN – GÓI HÚT ẨM SILICAGEL**

2. Thành phần: Chất hỗ trợ chế biến Silic đioxit vô định hình - silicagel; phần bao bì chứa Silicon Dioxide nhựa OPP (Oriented PolyPropylene).

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 2 năm kể từ ngày sản xuất.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Chất liệu bao bì: Sản phẩm được chứa đựng trong bao nilon, ngoài là thùng Carton.
Bao bì đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y Tế.

- Khối lượng tịnh:

- 1 g/túi; 1 kg/gói (1000 túi x 1 g); 20 kg/thùng (20 gói x 1 kg)
- 1,2 g/túi; 1,2 kg/gói (1000 túi x 1,2 g); 24 kg/thùng (20 gói x 1,2 kg)
- 1,3 g/túi; 1,3 kg/gói (1000 túi x 1,3 g); 13 kg/thùng (10 gói x 1,3 kg)
- 1,5 g/túi; 1,5 kg/gói (1000 túi x 1,5 g); 30 kg/thùng (20 gói x 1,5 kg)
- 2 g/túi; 2 kg/gói (1000 túi x 2 g); 24 kg/thùng (12 gói x 2 kg)
- 2,5 g/túi; 2,5 kg/gói (500 túi x 2,5 g); 25 kg/thùng (20 gói x 1,25 kg)

- 10 g/túi; 1 kg/gói (100 túi x 10 g); 25 kg/thùng (25 gói x 1 kg)
- 20 g/túi; 1 kg/gói (50 túi x 20 g); 25 kg/thùng (25 gói x 1 kg)
- 50 g/túi; 1 kg/gói (20 túi x 50 g); 25 kg/thùng (25 gói x 1 kg)
- 100 g/túi; 1 kg/gói (10 túi x 100 g); 25 kg/thùng (25 gói x 1 kg)
- 200 g/túi; 2 kg/gói (10 túi x 200 g); 20 kg/thùng (20 gói x 1 kg)
- 500 g/túi; 2 kg/gói (4 túi x 500 g); 20 kg/thùng (10 gói x 2 kg)

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

- Đóng gói tại: Công ty TNHH một thành viên đóng gói Đông Dương
- Địa chỉ: 11 đường 192, Phường 16, Quận 8, thành phố Hồ Chí Minh

III. Mẫu nhãn sản phẩm (Đính kèm nhãn sản phẩm)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- Phụ lục 4, QCVN 4-4:2010/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phụ gia thực phẩm – Chất chống đông vón.
- QCVN 12-1:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn vệ sinh đối với bao bì, dụng cụ bằng nhựa tổng hợp tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm.
- Quyết định số 46/2007/QĐ-BYT: Quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 08 năm 2018

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)



NỘI DUNG NHÃN SẢN PHẨM

CHẤT HỖ TRỢ CHẾ BIẾN – GÓI HÚT ẨM SILICAGEL

1. Thành phần cấu tạo:

- Thành phần: Chất hỗ trợ chế biến Silic đioxit vô định hình - silicagel; phần bao bì chứa Silicon Dioxyde nhựa OPP (Oriented PolyPropylene).

2. Khối lượng tịnh:

3. Thời hạn sử dụng: 2 năm kể từ ngày sản xuất.

4. Ngày sản xuất:

5. Hạn sử dụng:

6. Bảo quản: Bao bì kín. Để nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh sáng mặt trời.

7. Hướng dẫn sử dụng: Dùng để hút ẩm sản phẩm.

8. Thông tin an toàn thực phẩm: Không được ăn và không dùng với mục đích khác.

9. Sản phẩm của: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ THỊNH PHONG

Địa chỉ: 11/46/19 Đường TX 24, Tổ 23, Khu Phố 7, Phường Thạnh Xuân, Quận 12, Thành Phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: 0911610426

Email: thinhphongcorp@gmail.com

10. Đóng gói tại: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐÓNG GÓI ĐÔNG DƯƠNG

Địa chỉ: 11 đường 192, Phường 16, Quận 8, thành phố Hồ Chí Minh

11. Số BTCSBP: 01/THINHPHONG/2018



CHAN NAM TSS

CÔNG TY CP DV KHOA HỌC CÔNG NGHỆ CHẨN NAM

VP: 80-82-84 Thăng Long, P. 4, Q. Tân Bình, Tp. HCM
PNM & TN: 176/9A Lê Văn Sỹ, P. 10, Q. Phú Nhuận, Tp. HCM
Điện thoại: 028.39911131 - 028.39911132 - Hotline: 0901372755
Email: info@channam.com.vn - Website: www.channam.com.vn



Số: 18080076/KQ

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số: 18071042/1807388

Tên khách hàng: **CÔNG TY TNHH SX TM DV THỊNH PHON**

Địa chỉ: 11/46/9 Đường TX 24, Tổ 23, KP7, P. Thanh Xuân, Quận 12, TP.HCM

Ngày nhận mẫu: 26/07/2018

Thời gian thử nghiệm: 26/07-02/08

Ngày trả kết quả: 02/08/2018

Loại mẫu: Gói hút ẩm

Số lượng: 01 mẫu

Tên mẫu: **CHẤT HỖ TRỢ CHẾ BIẾN - GÓI HÚT ẨM SILICAGEL**

Tình trạng mẫu: Thành phẩm

STT	CHỈ TIÊU	KẾT QUẢ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP
Phân nhựa OPP (Oriented PolyPropylenene) – phần bao bì chứa Silicon Dioxide^(a)				
01	Chì (Pb)	0,13	µg/g	QCVN 12-1:2011/B
02	Cadimi (Cd)	0,11	µg/g	QCVN 12-1:2011/B
03	Kim loại nặng (tính theo Pb) Ngâm dung dịch acid acetic 4% 60°C trong 30 phút	<0,4	µg/mL	QCVN 12-1:2011/B
04	Lượng KMnO ₄ sử dụng Ngâm dung dịch nước 60°C trong 30 phút	Không phát hiện (LOD=0,3)	µg/mL	QCVN 12-1:2011/B
05	Cặn khô (Ngâm dung dịch Heptan 25°C trong 60 phút)	23,0	µg/mL	QCVN 12-1:2011/B
06	Cặn khô (Ngâm dung dịch nước 60°C trong 30 phút) ^(*)	Không phát hiện (LOD=5)	µg/mL	QCVN 12-1:2011/B
07	Cặn khô (Ngâm dung dịch acid acetic 4% 60°C trong 30 phút)	13,0	µg/mL	QCVN 12-1:2011/B
08	Cặn khô (Ngâm dung dịch ethanol 20% 60°C trong 30 phút)	Không phát hiện (LOD=5)	µg/mL	QCVN 12-1:2011/B

Ghi chú: (a): Thông tin do khách hàng cung cấp

Phụ trách PTN

TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY
CỔ PHẦN



CHAN NAM TSS

CÔNG TY CP DV KHOA HỌC CÔNG NGHỆ CHẨN NAM

VP: 80-82-84 Thăng Long, P. 4, Q. Tân Bình, Tp. HCM
PNM & TN: 176/9A Lê Văn Sỹ, P. 10, Q. Phú Nhuận, Tp. HCM
Điện thoại: 028.39911131 - 028.39911132 - Hotline: 0901372755
Email: info@channam.com.vn - Website: www.channam.com.vn



Số: 18080076/KQ

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số: 18071042/1807388

Tên khách hàng: **CÔNG TY TNHH SX TM DV THỊNH PHON**

Địa chỉ: 11/46/9 Đường TX 24, Tổ 23, KP7, P. Thanh Xuân, Quận 12, TP.H

Ngày nhận mẫu: 26/07/2018

Thời gian thử nghiệm: 26/07-02/0

Ngày trả kết quả: 02/08/2018

Loại mẫu: Gói hút ẩm

Số lượng: 01 mẫu

Tên mẫu: **CHẤT HỖ TRỢ CHẾ BIẾN - GÓI HÚT ẨM SILICAGEL**

Tình trạng mẫu: Thành phẩm

STT	CHỈ TIÊU	KẾT QUẢ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP
Phần nhựa OPP (Oriented PolyPropylenene) – phần bao bì chứa Silicon Dioxyde ^(a)				
01	Chì (Pb)	0,13	µg/g	QCVN 12-1:2011/M
02	Cadimi (Cd)	0,11	µg/g	QCVN 12-1:2011/M
03	Kim loại nặng (tính theo Pb) Ngâm dung dịch acid acetic 4% 60°C trong 30 phút	<0,4	µg/mL	QCVN 12-1:2011/M
04	Lượng KMnO ₄ sử dụng Ngâm dung dịch nước 60°C trong 30 phút	Không phát hiện (LOD=0,3)	µg/mL	QCVN 12-1:2011/M
05	Cặn khô (Ngâm dung dịch Heptan 25°C trong 60 phút)	23,0	µg/mL	QCVN 12-1:2011/M
06	Cặn khô (Ngâm dung dịch nước 60°C trong 30 phút) (*)	Không phát hiện (LOD=5)	µg/mL	QCVN 12-1:2011/M
07	Cặn khô (Ngâm dung dịch acid acetic 4% 60°C trong 30 phút)	13,0	µg/mL	QCVN 12-1:2011/M
08	Cặn khô (Ngâm dung dịch ethanol 20% 60°C trong 30 phút)	Không phát hiện (LOD=5)	µg/mL	QCVN 12-1:2011/M

Ghi chú: (a): Thông tin do khách hàng cung cấp

Phụ trách PTN

TỔNG GIÁM ĐỐC





TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3

KT3-03969AHO8

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

13/06/2018
Page 01

1. Tên mẫu
Name of sample : CHẤT HỖ TRỢ CHẾ BIẾN – GÓI HÚT ẨM SILICAGEL
2. Mô tả mẫu
Description : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp./ *Testing sample was sampled by customer and sample name and sample information were supplied by customer.*
Mẫu dạng hạt, đựng trong bao nhựa và chứa trong hũ nhựa.
The grains are contained in the plastic bag, contained in the plastic jar.
3. Số lượng mẫu
Quantity : 01
4. Ngày nhận mẫu
Date of receiving : 29/05/2018
5. Thời gian thử nghiệm
Testing duration : 30/05/2018 - 13/06/2018
6. Nơi gửi mẫu
Customer : CÔNG TY TNHH SX TM DV THỊNH PHONG
11/46/19 Đường TX 24, Tổ 23, Khu Phố 7, P. Thạnh Xuân, Q. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh
7. Kết quả thử nghiệm
Test result : Xem trang 02/02
See page 02/02

PHỤ TRÁCH PTN HÓA
HEAD OF CHEMICAL TESTING LAB.

Nguyễn Thành Bảo

TL. GIÁM ĐỐC/ PP. DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
HEAD OF TESTING LAB.



Ngũ Quốc Việt

KT3-03969AHO8

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

13/0
Pag

7. Kết quả thử nghiệm : Test result

Tên chỉ tiêu <i>Characteristic</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>	Kết quả thử nghiệm <i>Test result</i>
7.1. Tính tan <i>Solubility</i>	QCVN 4 – 4 : 2010/ BYT Phụ lục 4	Không tan trong nước và ethanol, tan trong acid hydrofluoric và trong kiềm (80 °C – 100 °C)
7.2. Nhận biết silic (Si) <i>Identification test of silicon</i>	QCVN 4 – 4 : 2010/ BYT Phụ lục 4	Có phản ứng đặc trưng của silic
7.3. Giảm khối lượng khi nung ở 105 °C, % (m/m) <i>Loss on drying at 105 °C</i>	QCVN 4 – 4 : 2010/ BYT Phụ lục 4	4,44
7.4. Hàm lượng oxít silic (SiO ₂) tính trên mất khi nung ở 105 °C, % (m/m) <i>Silicon dioxide content after ignition at 105 °C</i>	QCVN 4 – 4 : 2010/ BYT Phụ lục 4	99,6
7.5. Hàm lượng chì (Pb), mg/kg <i>Lead content</i>	FAO JECFA Monographs 1 Vol 4, 2006 - Metallic Impurities - (ICP-AES) (*)	0,26

Ghi chú:

(*) Combined compendium of food additive specifications, Joint FAO/WHO Expert Committee on Food